TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 14/2020/HS-ST
Ngày 26 - 5 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đoàn Hùng Tự

Bà: Khuất Thị Toàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2020/TLST-HS, ngày 28 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXXST-HS, ngày 11 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Nông Thế A, sinh ngày 03 tháng 3 năm 2000 tại tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn Bản L, xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn L, sinh năm 1977 và bà Nông Thị H, sinh năm 1976; Gia đình bị cáo có hai anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; Bị bắt ngày 27/02/2020, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang, bị cáo có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1985 – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Hà Giang, có mặt.

- Bị hại: Nông Văn T, sinh năm 1999. Nơi cư trú: Thôn Bản L, xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang, có mặt.

- Người làm chứng: Nguyễn Văn T1, sinh năm 2001. Nơi cư trú: Thôn Bản L, xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do trong thời gian làm thuê tại quán Karaoke Điểm Hẹn ở Quốc Oai Hà Nội bị cáo Nông Thế A có vay mượn tiền của một người tên là Q – quản lý quán, bị cáo không có tiền trả cho Q, nhiều lần bị Q thúc dục trả nợ. Khoảng16 giờ ngày 13/11/2019, Nông Thế A gọi điện thoại cho Nông Văn T, mục đích hỏi T nếu ở Hà Nội thì vay tiền để trả nợ cho Q. Nông Văn T trả lời là đang ở nhà tại xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang. Do khoảng tháng 6/2019, Nông Thế A có vay tiền của Nông Văn T với số tiền là 1.260.000,đ (*Một triệu hai trăm sau mươi nghìn đồng)* và 01 *(một)* chiếc nhẫn vàng tây, 01 *(một)* chiếc nhẫn bạc, T đã đòi nhiều lần nhưng Nông Thế A chưa trả, nên Nông Thế A đã nảy sinh ý định lấy cớ là sẽ trả tiền và nhẫn cho Tâm, Thế A đã gọi điện thoại bảo T đi xe máy ra H nhằm mục đích lừa lấy xe máy của T đi cầm cố để lấy tiền trả nợ cho Q. Nông Thế A hỏi Nông Văn T "*có xe máy không, đi ra H để tao trả tiền và nhẫn cho",* trong khi thực tế lúc đó bản thân Nông Thế A không có tiền để trả nợ cho T.

Nông Văn T nghe Nông Thế A nói ra sẽ trả tiền nên đã lấy xe máy và rủ Nguyễn Văn T1 cùng đi ra H. Đến khoảng hơn 20h cùng ngày, T và T1 ra đến thành phố H, Tâm gọi điện thoại cho Nông Thế A hỏi đường và được chỉ dẫn đến phòng trọ của Thế A tại xã P, thành phố H. Khi đến nơi, Nông Thế A nói với T "*dắt xe vào trong phòng không trộm lấy mất*" T dắt xe vào nhà, T hỏi Thế A "*tao đói quá, có gì ăn không*" Thế A nói "*trong bếp còn mỳ tôm, đói thì đi nấu mà ăn*". Sau khi T và T1 ăn xong Tâm hỏi Nông Thế A "*nhẫn và tiền của tao đâu, trả cho tao để hai đứa tao còn về*". Nông Thế A trả lời "*mày cứ từ từ, chờ tí*", một lúc sau, T hỏi tiếp thì Thế A đi ra ngoài gọi điện thoại cho một người tên là Đ. Sau đó, Thế A đi vào hỏi T *"chìa khóa xe đâu"* T trả lời *"hỏi chìa khóa để làm gì"* Thế A bảo "*để tao đi đón bạn để nó về trả nhẫn và tiền cho mày"* nghe Thế A nói vậy T đã tin tưởng đưa chìa khóa xe cho Thế A, Thế A cầm chìa khoá và lấy dẻ lau xe rồi lấy điện thoại ra chụp ảnh chiếc xe mô tô, gửi qua ứng dụng Messenger cho Đ, nhận được tin nhắn Đ hỏi*"cắm bao nhiêu"* Thế A trả lời *"năm triệu",* Đ nói " *để hỏi ông anh đã*" sau đó Thế A lấy xe của T đi uống rượu với bạn đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, thì quay lại phòng trọ ngồi chơi cùng T1 và T, khi đang nói chuyện thì nhận được tin nhắn của Đ với nội dung:*"mang xe lên cổng Bệnh viện đi"* sau khi nhận được tin nhắn của Đ. Nông Thế A vào dắt xe đi ra ngoài T nói "*mày đi về sớm để tao còn về, không muộn quá không về được*" Thế A trả lời "*giờ này nó mới nghỉ, tao đi đón nó về để trả cho mày*" sau đó Thế A điều khiển xe mô tô của T đi ra cổng Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Giang gặp Đ và Đ đưa Thế A lên ngã tư đèn đỏ thuộc phường N cầm cố cho một người tên D hay D gì đó *(bị cáo không rõ tên)* được 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng),* sau khi có được tiền cắm xe của T, Thế A đi xe khách xuống thành phố H trả tiền cho Q ở huyện Q, thành phố H số tiền 4.500.000đ, số tiền còn lại Thế A đã chi tiêu hết. T đợi không thấy Thế A về trả xe đã gọi điện thoại nhiều lần nhưng Thế A không nghe máy, ngày hôm sau T và T1 đã gọi gia đình đến đón về và trình báo sự việc với cơ quan công an đề nghị giải quyết.

Ngày 25/11/2019, Nông Thế A đã tự giác đến Văn phòng Cơ quan Công an tỉnh Hà Giang xin đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 02/KL-HĐĐGTS ngày 07/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản Thành phố H, kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA-SIRIUS, màu sơn: Đen – Bạc, biển kiểm soát 23K1–000.55, đăng ký lần đầu ngày 17/07/2008, mà Nông Thế A đã chiếm đoạt của Nông Văn T có giá trị:

7.000.000đ *(Bảy triệu đồng)*.

Tại bản Cáo trạng số 15/CT-VKS-TPHG ngày 27/4/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Nông Thế A về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ Luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Nông Thế A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan Cảnh sát điều tra, phù hợp với tài liệu chứng cứ chứng minh do cơ quan Điều tra thu thập được về thời gian, địa điểm, hành vi mà bị cáo đã thực hiện, số tiền bị cáo chiếm đoạt được từ việc cầm cố chiếc xe máy của Nông Văn T bị cáo đã trả nợ cho Q và tiêu sài cá nhân hết. Bị hại Nông Văn T xác nhận lời khai của Nông Thế A tại phiên toà là đúng, anh yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho anh số tiền đương đương giá trị chiếc xe là 7.000.000đ, theo giá Hội đồng định giá đã kết luận. Ngoài ra anh không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang luận tội đối với bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nông Thế A. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị **HĐXX.**

1. Tuyên bố bị cáo: Nông Thế A phạm tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo điều 174 BLHS 2015.

2. Về hình phạt:

- *Về hình phạt chính:* Áp dụng khoản 1 Điều 174 BLHS2015; điểm b, i, s khoản 1, Khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 xử phạt bị cáo: Nông Thế A từ **07** tháng đến **09** tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- *Hình phạt bổ sung:* Xét thấy bị cáo điều kiện kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

3. Về vật chứng: Vật chứng của vụ án là 01 *(một)* chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA – SIRIUS, biển kiểm soát 23K1- 000.55. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang đã ra thông báo truy tìm vật chứng, hiện chưa truy tìm được vật chứng.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS, điều 586; 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Nông Thế A phải bồi thường cho bị hại Nông Văn T số tiền là 5.000.000, đồng. Là số tiền còn phải khắc phục sau khi đã trừ đi 2.000.000,đ bị cáo đã khắc phục cho bị hại.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu 200.000đ, án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo Nông Thế A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Nông Thế A đồng thuận với quan điểm của Đại diện VKS tham gia phiên tòa về tội danh, Điều luật áp dụng và đề nghị HĐXX xem xét các điều kiện để giảm nhẹ mức hình phạt đối với bị cáo Nông Thế A, tại phiên toà bị cáo đã khắc phục, bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại là 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)*. Do đó đề nghị HĐXX xem xét xử

phạt bị cáo bằng thời gian tạm giam đến ngày xét xử 26/5/2020 và đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện Kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Do nhận thức pháp luật của bị cáo còn hạn chế và do khó khăn nhất thời nên bị cáo đã phạm tội, bị cáo rất hối hận, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình, làm người lương thiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên của thành phố H trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên toà những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của bị cáo Nông Thế A tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra *(BL 58 đến BL 75),* phù hợp với lời khai của bị hại *(BL 79 đến BL90)* và lời khai của người làm chứng *(BL 97 đến BL 100),* cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 13 tháng 11 năm 2009 bị cáo Nông Thế A đã có hành vi Lừa đảo chiếm đảo chiếm đoạt tài sản là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA-SIRIUS, màu sơn: Đen – Bạc, biển kiểm soát 23K1–000.55 của bị hại Nông Văn T, tài sản có giá trị là 7.000.000 *(Bảy triệu đồng)* và bị cáo đã sử dụng để trả nợ và tiêu sài cá nhân hết. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Điều 174 BLHS quy định: *"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đ đến dưới 50.000.000đ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".*

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ....."

[3] Xét tính chất vụ án tuy là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây dư luận bất bình trong nhân dân. Chiếc xe bị cáo chiếm đoạt của bị hại hiện nay vẫn chưa truy tìm lại được. Do vậy, xét thấy cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật và có hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, như vậy mới có tác dụng cải tạo giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe giáo dục phòng ngừa chung. Như vậy Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà

Giang truy tố bị cáo Nông Thế A về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ Luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Đối với người đàn ông tên Đ là người giới thiệu chỗ cầm cố cho Thế A và D *(hay D)* là người nhận cầm cố tài sản là chiếc xe máy do Thế A phạm tội mà có. Bản thân bị cáo không biết họ tên, địa chỉ cụ thể, quá trình điều tra Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang cũng không xác định được nhân thân, lai lịch nên không có căn cứ để xử lý. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt đối với các bị cáo: Bị cáo Nông Thế A không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại phiên toà bị cáo đã tác động đề nghị gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại số tiền 2.000.000đ nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, ngoài ra bị cáo Nông Thế A đã tự nhận thức được hành vi phạm tội của mình nên đã chủ động đến Văn phòng cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Giang xin đầu thú nên được coi là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Nông Thế A không nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng, sinh sống ở khu vực đặc biệt khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 174 BLHS.

[7] Về vật chứng: Vật chứng của vụ án là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA-SIRIUS, màu sơn: Đen – Bạc, biển kiểm soát 23K1–000.55. Quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang đã ra thông báo truy tìm vật chứng, tuy nhiên hiện nay vẫn chưa truy tìm được vật chứng do đó HĐXX không xem xét.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà bị hại Nông Văn T có yêu cầu bị cáo Nông Thế A phải có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền bằng giá trị tương ứng với giá trị của chiếc xe máy mà bị cáo đã chiếm đoạt theo Kết luận định giá số 02/KL-HĐ ĐGTS ngày 07/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố H, tỉnh Hà Giang số tiền là 7.000.000đ *(Bảy triệu đồng)* là có căn cứ nên được chấp nhận. Tại phiên toà bị cáo đã tác động gia đình và đã tự nguyện khắc phục trả cho bị hại số tiền 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)*, do đó bị cáo còn phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bị hại số tiền 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)*.

[9] Về án phí: Xét thấy bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại thôn Bản L, xã Y, huyện B là khu vực đặc biệt khó khăn và bị cáo đã có đơn xin miễn án phí. Do đó miễn Toàn bộ án phí cho bị cáo.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nông Thế A và bị hại Nông Văn T có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174, Điều 38, khoản 1 Điều 50, điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nông Thế A phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

2. Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 xử phạt bị cáo Nông Thế A 07 *(Bảy)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt *(ngày 27/02/2020).*

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS, điều 586; 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Nông Thế A phải bồi thường cho bị hại Nông Văn T số tiền còn lại là 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)*.

4.Về án phí: Miễn toàn bộ án phí cho bị cáo Nông Thế A.

5.Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân dự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND thành phố H;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Công an thành phố H (02 bản);
- Trại tạm giữ CATP;
- Người bào chữa;
- Cơ quan THAHS;
- Chi cục THADS TP;
- Sở Tư pháp tỉnh HG;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: HS, THA phạt tù.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Mỹ Lệ